| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Y**<br>**TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2024/ HNGĐ -ST
Ngày : 19/01/2024.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Nhật Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Đinh Thị Ngọc Lan và bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 113/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định xét xử số 19/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;

**Bị đơn:** Anh Đỗ Văn L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn 21, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị M còn vắng mặt anh Đỗ Văn L (anh L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh L sau một thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 19 tháng 01 năm 2016 tại UBND xã K, huyện Y, vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh L tại thôn 21, xã K, huyện Y. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không quan tâm đến gia đình, dẫn tới việc vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng trong cuộc sống. Nhiều lần chị góp ý nhưng anh L không thay đổi mà lại càng quá hơn, đỉnh điểm vào tháng 10 năm 2020, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng đánh cãi chửi nhau nhiều hơn. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc nên chị đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở

xã K, huyện Y để sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau kể từ thời gian này. Trong khoảng thời gian sống ly thân chị và anh L không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị và anh L không thể về đoàn tụ được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống cho đến nay chị và anh L có hai con chung là cháu Đỗ Mai P, sinh ngày 29/5/2016 và cháu Đỗ Thành T, sinh ngày 22/8/2020. Hiện các cháu đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì từ nhỏ tới lớn đều do một mình chị chăm sóc các cháu, hơn nữa từ khi các cháu và chị chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ chị ở K, bản thân anh L không lên thăm, cũng không chu cấp gì cho các con. Hiện tại chị đang làm việc tại Ngân hàng Quân đội chi nhánh Ninh Bình, thu nhập lương hàng tháng ổn định nên đủ điều kiện kinh tế và thời gian chăm sóc các con. Do vậy nay ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu P và cháu T cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Về con riêng, chị và anh L không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản gì, về công nợ không có, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn L, hiện tại anh đang có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại thôn 21, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp về Thông báo thụ lý vụ án cho anh Đỗ Văn L, anh L ký nhận và có ý kiến trình bày là không nhất trí ly hôn. Đã hết thời hạn theo Thông báo nhưng anh L vẫn không có văn bản trả lời về yêu cầu khởi kiện của chị M đối với anh. Sau đó Tòa án báo gọi nhiều lần cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án làm việc. Khi đại diện Tòa án xuống nhà anh Đỗ Văn L thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng thì được biết anh L không có mặt ở nhà nên đã đề nghị ông Đỗ Trọng Đ là bố đẻ của anh L hỗ trợ giao các văn bản tố tụng và thông báo cho anh L. Qua xác minh tại địa phương và gia đình được biết anh L làm công việc tự do trong huyện Y nên chỉ có mặt tại gia đình vào thời gian từ 7 giờ đến 8 giờ tối. Ông Đ bố đẻ anh L xác nhận các văn bản mà Tòa án đề nghị hỗ trợ tống đạt cho anh L ông đều đã thực hiện đúng theo cam kết là giao tận tay anh L đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Văn L. Về con, chị đề nghị Tòa án giao cháu Đỗ Mai P, sinh ngày 29/5/2016 và cháu Đỗ Thành T, sinh ngày 22/8/2020 cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Về tài sản và công nợ, chị M xác định chị và anh L không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Việc anh L vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập tới phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M xử cho ly hôn đối với anh Đỗ Văn L. Về con: Giao cháu Đỗ Mai P, sinh ngày 29/5/2016 và cháu Đỗ Thành T, sinh ngày 22/8/2020 cho chị Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị M là phù hợp với điều kiện của chị, cũng như nguyện vọng của cháu P và quy định của pháp luật. Về tài sản chị M xác định không có và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị M là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa vào ngày 15/01/2024 có mặt chị Nguyễn Thị M còn anh Đỗ Văn L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị M có mặt còn anh Đỗ Văn L vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Văn L đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Trung, huyện Y vào ngày 19 tháng 01 năm 2016, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, chị M và anh L thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bản thân anh L chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, bản thân chị M và gia đình đã cố gắng khuyên nhủ với mong muốn anh L có trách nhiệm với gia đình, để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con chung. Tuy nhiên anh L không thay đổi mà vẫn sống

theo quan điểm của mình. Do cuộc sống hai vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, dẫn đến chị M luôn bị áp lực về mặt tinh thần, do sống không có hạnh phúc, nên đến tháng 10 năm 2020 chị M đã cùng các con dọn về nhà bố mẹ đẻ tại xã K, huyện Y để sinh sống. Mặt khác trong thời gian sống ly thân từ năm 2020 đến nay, chị M và anh L không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

Căn cứ vào các tài liệu chị M xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại xã K và gia đình anh Đỗ Văn L, cho thấy hôn nhân giữa chị M và anh L trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân với thời gian dài, sống không có hạnh phúc, khả năng vợ chồng về đoàn tụ là không có. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M xin ly hôn với anh Đỗ Văn L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Văn L cho đến nay có hai người con chung là cháu Đỗ Mai P, sinh ngày 29/5/2016 và cháu Đỗ Thành T, sinh ngày 22/8/2020. Hiện tại cả hai cháu đang do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nay chị yêu cầu giao hai con chung cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Xét về nguyện vọng của cháu P mong muốn được ở cùng với mẹ và em, hiện tại các cháu đang có cuộc sống, học hành ổn định và do các cháu còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Mặt khác chị M đang là nhân viên Ngân hàng quân đội nên về thu nhập và công việc ổn định, do đó xét thấy chị M có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu, phù hợp với nguyện vọng của cháu P. Vì vậy cần giao cháu Đỗ Mai P và cháu Đỗ Thành T cho chị M được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Đỗ Văn L không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị M là phù hợp. Về con riêng, chị M xác định vợ chồng không có, chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản:** Trong quá trình Tòa án giải quyết chị M xác định chị và anh L về tài sản và công nợ vợ chồng không có, nên chị không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn L, hiện có hộ khẩu, làm ăn sinh sống tại thôn 21, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho anh Đỗ Văn L và anh L có ý kiến trình bày tại biên bản tống đạt là anh không nhất trí ly hôn. Hết hạn theo thông báo không thấy anh L trả lời, Tòa án đã báo gọi nhưng do anh L thường xuyên đi làm

tối mới về gia đình nên Tòa án đề nghị ông Đỗ Trọng Đ là bố đẻ anh L hỗ trợ tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L. Qua biên bản làm việc với ông Đ xác định anh L đã nhận các văn bản đầy đủ, tuy nhiên anh L vẫn không đến Tòa án làm việc lần nào. Việc anh L không đến Tòa án làm việc, không giao nộp bản tự khai, không giao nộp bất cứ tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình thì anh L phải chịu hậu quả của việc không giao nộp tài liệu, chứng cứ khi Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[5] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

**Vì các lẽ trên.**

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với anh Đỗ Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đỗ Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Mai P, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2016 và cháu Đỗ Thành T, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Đỗ Văn L không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị M và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị M xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ nên không có yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001560 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dấn sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã K.
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Vũ Nhật Trung**